

TP HCM, ngày 08 tháng 01 năm 2026

THÔNG BÁO
CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH QUÝ IV NĂM 2025

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ.

Học viện Chính trị khu vực II công khai tình hình thực hiện dự toán thu - chi ngân sách quý IV năm 2025 như sau:

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý IV	Ước thực hiện quý IV/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý IV năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí		12.423		64,26
1	Số thu phí, lệ phí				
2	Thu đào tạo không tập trung		9.046		78,91
3	Thu sự nghiệp khác		3.377		42,93
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại		12.423		64,26
1	Số thu phí, lệ phí				
2	Chi đào tạo không tập trung		9.046		78,91
3	Chi sự nghiệp khác		3.377		42,93
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
1	Số thu phí, lệ phí				
2	Thu đào tạo không tập trung				
3	Thu sự nghiệp khác				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	133.296	56.291	42,23	189,05
I	Nguồn ngân sách trong nước	133.296	56.291	42,23	189,05

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý IV	Ước thực hiện quý IV/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý IV năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ (Loại 100-102)	2.103	1.011	48,07	81,86
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	2.103	1.011	48,07	81,86
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	840	300	35,71	34,09
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	1.263	711	56,29	200,28
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	130.893	55.130	42,12	194,87
3.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ (Loại 070-083)	81.846	20.121	24,58	99,86
	Trong đó:				
	<i>Kinh phí thường xuyên giao tự chủ</i>	<i>81.639</i>	<i>19.914</i>	<i>24,39</i>	
	<i>Tiết kiệm chi thường xuyên giao tự chủ</i>	<i>207</i>	<i>207</i>	<i>100,00</i>	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên không giao tự chủ (Loại 070-083)	48.547	34.583	71,24	424,80
	Trong đó:				
	<i>Chi mua sắm, sửa chữa lớn TSCĐ</i>	<i>36.964</i>	<i>29.317</i>	<i>79,31</i>	<i>375,91</i>
	<i>Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ không thường xuyên khác</i>	<i>3.914</i>	<i>230</i>	<i>5,88</i>	
	<i>Kinh phí thực hiện chế độ, chính sách theo Nghị định 178/2024/NĐ-CP</i>	<i>6.933</i>	<i>4.300</i>	<i>62,02</i>	
	<i>Tiết kiệm chi thường xuyên không giao tự chủ</i>	<i>736</i>	<i>736</i>	<i>100,00</i>	
3.3	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên không giao tự chủ (Loại 070-085)	500	426	85,20	100,00

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý IV	Ước thực hiện quý IV/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý IV năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
4	Chi điều tra cơ bản- Nguồn vốn sự nghiệp kinh tế (Loại 280-338)	300	150	50,00	60,00
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	300	150	50,00	60,00

Ghi chú:

Dự toán năm bao gồm dự toán năm trước chuyển sang:

- Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ (Loại 070-083)(Chi mua sắm, sửa chữa lớn TSCĐ): 14.775.000.000 đồng.
- Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ (Loại 070-085): 300.000.000 đồng. *uu*



Thủ trưởng đơn vị

Nguyễn Tấn Vinh

